

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)



PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (01 TTHC)

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã thủ TTHC) | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----------|---|--|---|--|-------------|---|---------|
| I | DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (01 TTHC) | | | | | | |
| A | LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ (01 TTHC) | | | | | | |
| 1 | Công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình (1.004104) | 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. | - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần. | Không | - Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình. - Thông tư số 24/2016/TT- | |

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | | <p>BTTTT ngày 15/11/2016 quy định về quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.</p> <p>- Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG¹ (06 TTHC)

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã thủ TTHC) | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----------|---|--|---|--|--------------------|--|---|
| I | DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (06 TTHC) | | | | | | |
| A1 | LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH (01 TTHC) | | | | | | |
| 1 | Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim tại Việt Nam (1.011452) | 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. | - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần. | Không | - Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15. - Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | - Sửa đổi: <i>Trình tự thực hiện; thành phần hồ sơ; thời hạn giải quyết; cơ quan có thẩm quyền quyết định; cơ quan thực hiện; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý.</i> |
| A2 | LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH (02 TTHC) | | | | | | |
| 2 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm | 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; | - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch | Không | - Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng | - Sửa đổi: <i>Trình tự thực hiện; thành phần hồ sơ; đối tượng</i> |

¹ Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

| | | | | | | | |
|--|------------|--|--|-------------------------------------|--|--|--|
| | (2.001594) | | <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.</p> | <p>vụ công trực tuyến một phần.</p> | | <p>11 năm 2018. - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản. - Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông. - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản. - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-</p> | <p><i>thực hiện; cơ quan thực hiện; kết quả thực hiện; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý.</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống 08 ngày làm việc.</p> |
|--|------------|--|--|-------------------------------------|--|--|--|

| | | | | | | | |
|---|--|--|--|---|-------|--|--|
| | | | | | | <p>BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.</p> <p>- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.</p> <p>- <i>Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</i></p> | |
| 3 | Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; | - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch | Không | - Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012. - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định | - Sửa đổi: <i>Trình tự thực hiện; thành phần hồ sơ; đối tượng</i> |

| | | | | | | | |
|--|------------|--|---|------------------------------|--|---|--|
| | (2.001584) | | - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. | vụ công trực tuyến một phần. | | <p>chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.</p> <p>- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.</p> | <p><i>thực hiện; cơ quan thực hiện; kết quả thực hiện; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý.</i></p> |
|--|------------|--|---|------------------------------|--|---|--|

| | | | | | | | |
|-----------|--|---|---|--|-------|---|--|
| | | | | | | <p>Nghi quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.</p> <p><i>Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</i></p> | |
| A3 | LĨNH VỰC BÁO CHÍ (01 TTHC) | | | | | | |
| 4 | Thủ tục văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (1.009386) | 13 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. | <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần. | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Báo chí số 126/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025. - Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản | <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi: <i>Trình tự thực hiện; cơ quan thực hiện; căn cứ pháp lý;</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống 13 ngày. |

| | | | | | | | |
|-----------|---|--|---|--|--|--|---|
| | | | | | | tin, xuất bản đặc san. - Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | |
| A4 | LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG MUA BÁN QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA (01 TTHC) | | | | | | |
| 5 | Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu (1.003560) | 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. | - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần. | Đối với các sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu dưới đây thì mức thu như sau: 1. Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau: a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa: - Đối với bản ghi âm: 140.000 đồng/1 block thứ | - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều | - Sửa đổi: <i>Trình tự thực hiện; thành phần hồ sơ; ten mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý;</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống 08 ngày làm việc. |

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|---|--|
| | | | | <p>nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 100.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).</p> <p>- Đối với bản ghi hình: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 140.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).</p> <p>b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác:</p> <p>- Đối với bản ghi âm: + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 1.400.000 đồng/chương</p> | <p>của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</p> <p>- Thông tư số 153/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp một số khoản phí, lệ phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch.</p> <p>- <i>Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</i></p> | |
|--|--|--|--|--|---|--|

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|---|--|
| | | | | | trình; + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 1.400.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 34.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 4.670.000 đồng/chương trình. - Đối với bản ghi hình: + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 1.670.000 đồng/chương trình; + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 1.670.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài | |
|--|--|--|--|--|---|--|

| | | | | | | | |
|---|--|---|---|---|--|--|--|
| | | | | | <p>hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 6.000.000 đồng/chương trình.</p> <p>2. Chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác; chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp.</p> | | |
| A5 LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIỆP ẢNH, TRIỂN LÃM (01 TTHC) | | | | | | | |
| 6 | <p>Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh</p> | <p>05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> | <p>- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.</p> | <p>- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.</p> | <p>1. Đối với tác phẩm mỹ thuật + Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/ tác phẩm/lần thẩm định. + Đối với tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm số 49:</p> | <p>- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 260/2016/TT-</p> | <p>- Sửa đổi: <i>Trình tự thực hiện; thành phần hồ sơ; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý;</i> - Đã cắt giảm thời hạn giải</p> |

| | | | | | | | |
|--|------------|--|--|--|---|---|---|
| | (2.001496) | | | | <p>270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. + Đối với tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng</p> <p>2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh: + Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/ tác phẩm/lần thẩm định. + Đối với tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm số 49: 90.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. + Đối với tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.</p> | <p>BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>Thông tư 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 30/10/2018.</p> <p>Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> | <p>quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.</p> |
|--|------------|--|--|--|---|---|---|

| | | |
|--|-----------------|----------------|
| Tổng số TTHC công bố: | 07 | TTHC |
| Trong đó: | | TTHC |
| TTHC mới ban hành | Cấp tỉnh | 01 TTHC |
| | Cấp xã | 0 TTHC |
| TTHC sửa đổi, bổ sung: | Cấp tỉnh | 06 TTHC |
| | Cấp xã | 0 TTHC |
| Cụ thể: | | |
| - Số TTHC thực hiện trực tiếp: | 07 | TTHC |
| - Số TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích: | 07 | TTHC |
| - Số TTHC thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: | 07 | TTHC |
| - Số TTHC cắt giảm thời hạn thời gian giải quyết: | 04 | TTHC |